CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Vĩnh Hoàn

Ngày 30/09/2025	55,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.1%	**0.4%**	**-8.2%**

DT thuần
Q3/25
3,471
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 279| 8.7%
YoY: ▲ 193| 5.9%

LN thuần
Q3/25
533
tỷ VNĐ
QoQ: ▼66.0| -11.0%
YoY: ▲ 139| 35.3%

LN sau thuế
Q3/25
455
tỷ VNĐ
QoQ: ▼84.0| -15.5%
YoY: ▲ 114| 33.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
15.7%
YoY: +/-▼ 3.8%

ROE (TTM)
Q3/25
16.3%
YoY: +/-▲ 0.5%

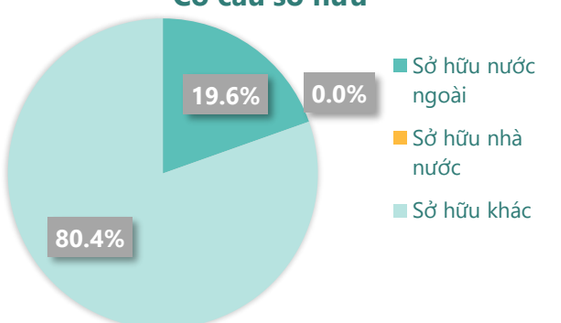
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	42,279 - 71,609
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,502
Số lượng CPLH (CP)	224,453,159
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,005,110
Sở hữu nước ngoài	19.6%
Beta	1.09
EPS	6,978
P/E	8.0

DT thuần
9T 2025
9,311
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.0| -0.2%

LN thuần
9T 2025
1,379
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 392| 39.8%

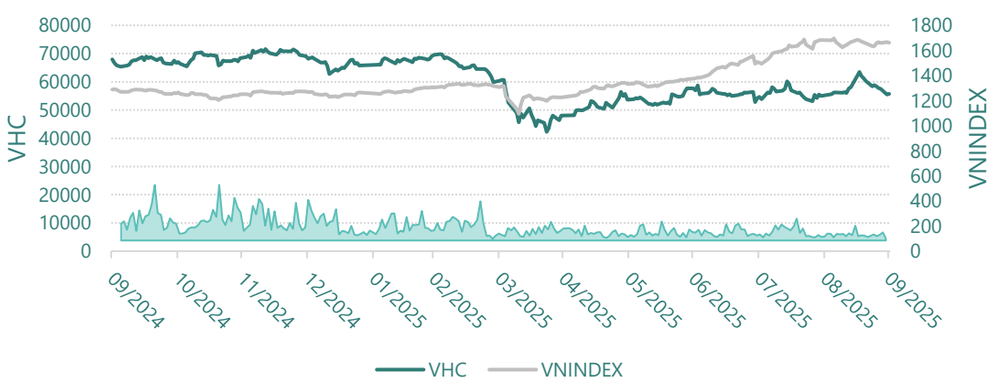
LN sau thuế
9T 2025
1,206
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 336| 38.6%

Cơ cấu sở hữu

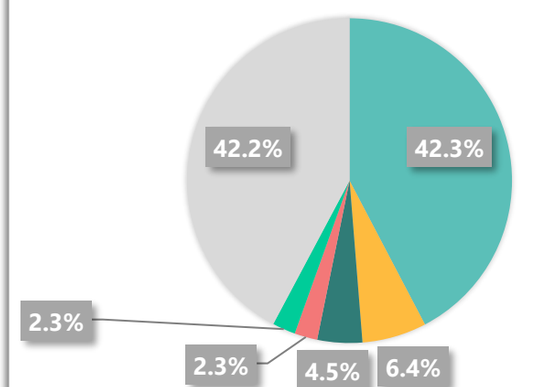


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



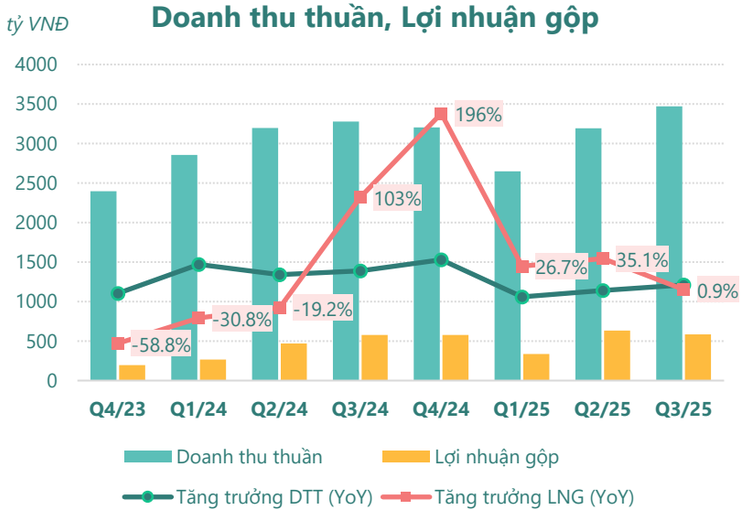
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

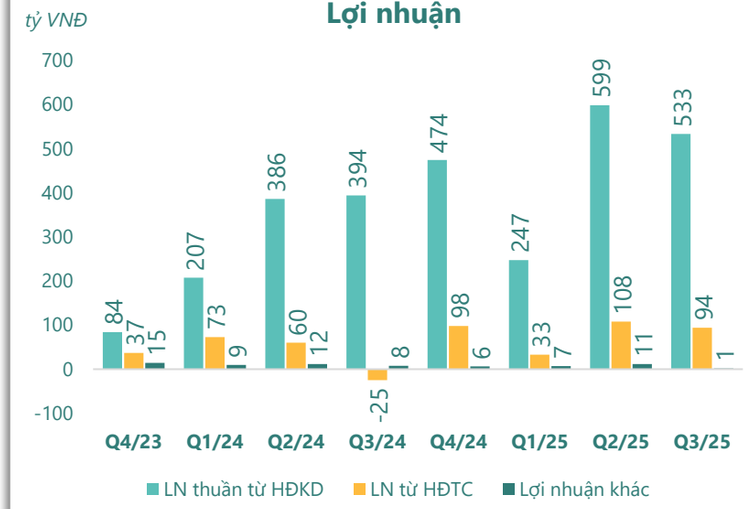
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



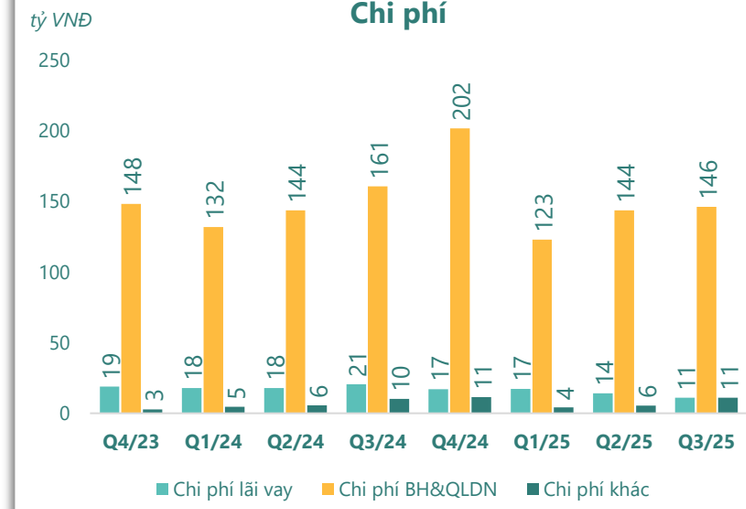
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



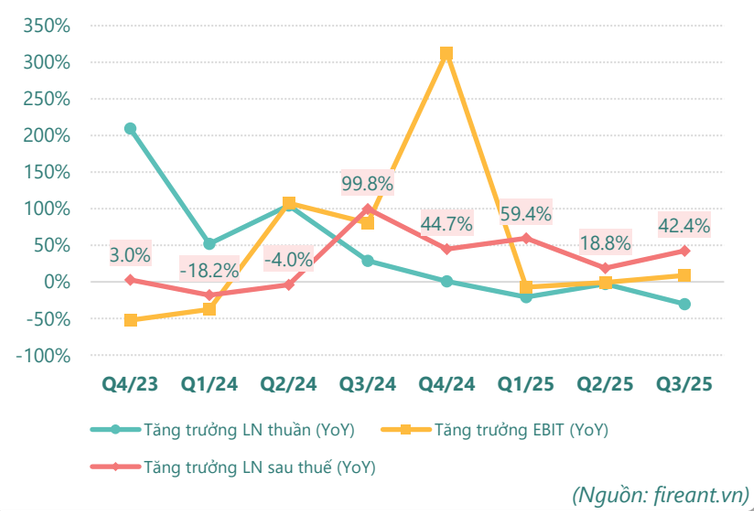
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



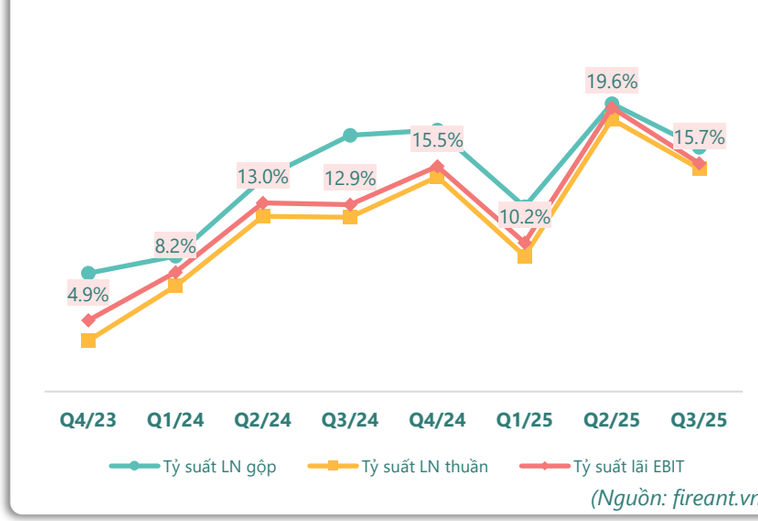
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



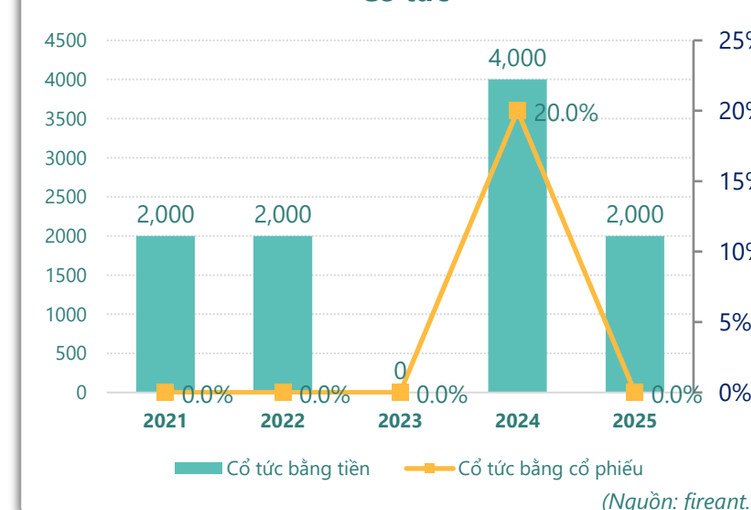
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

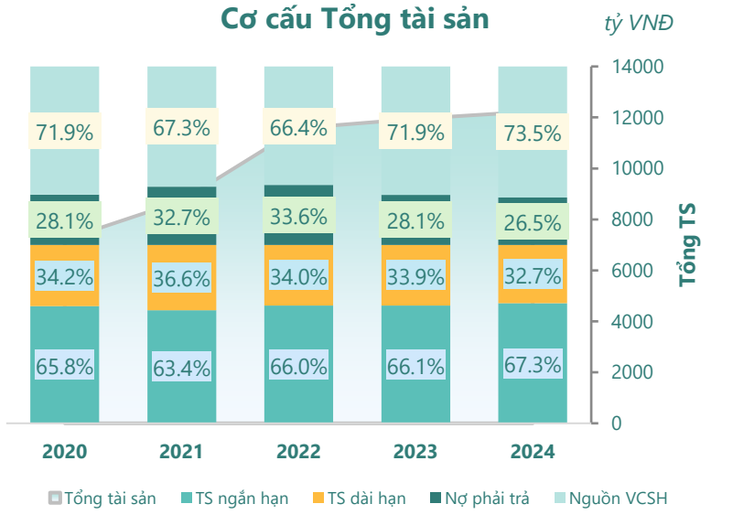
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

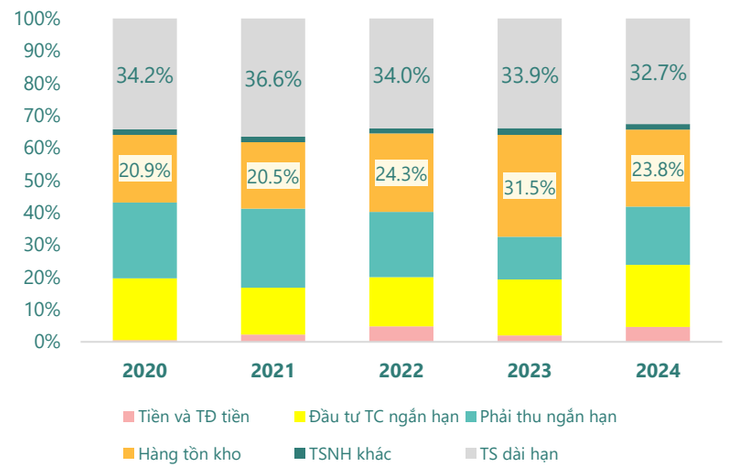
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



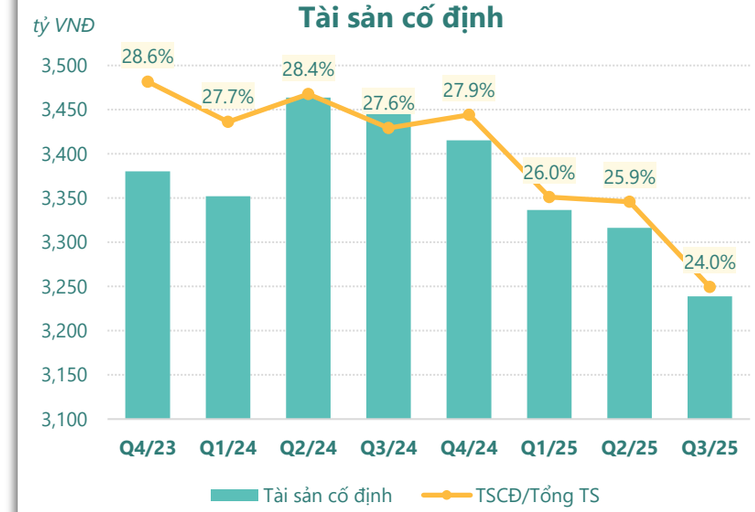
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



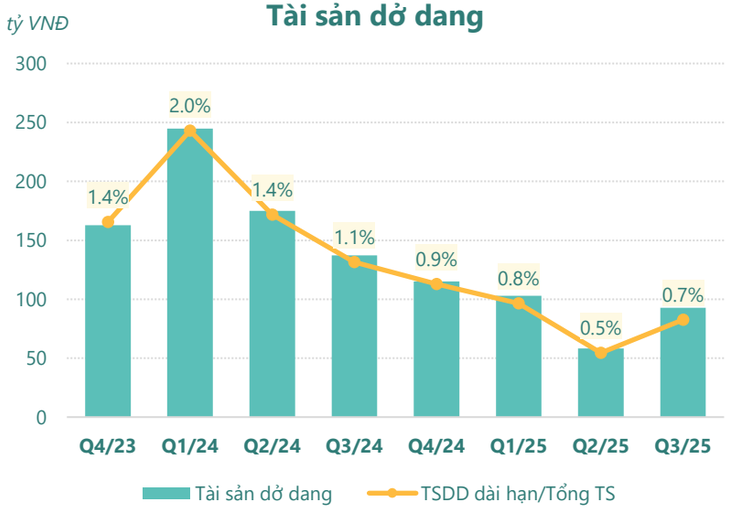
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



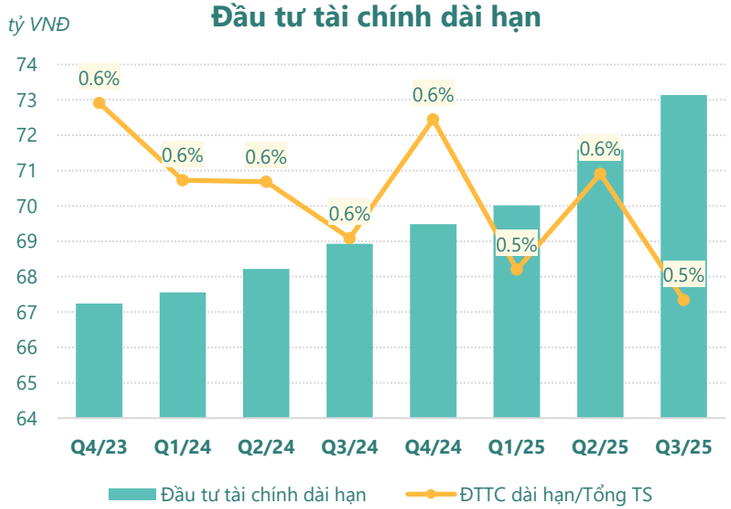
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



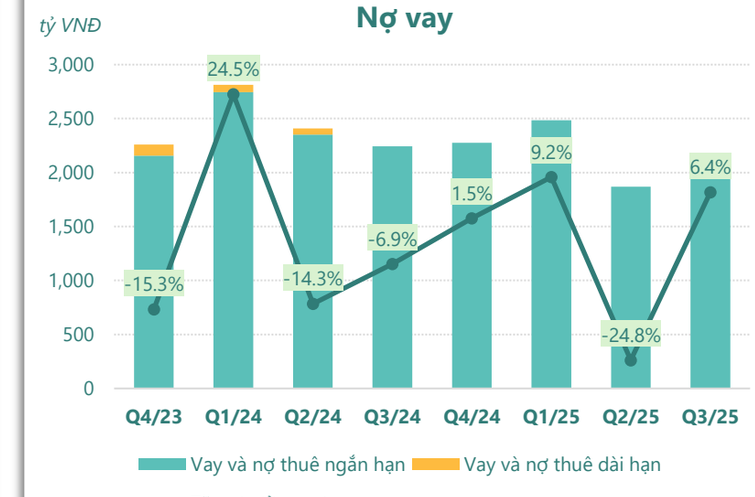
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

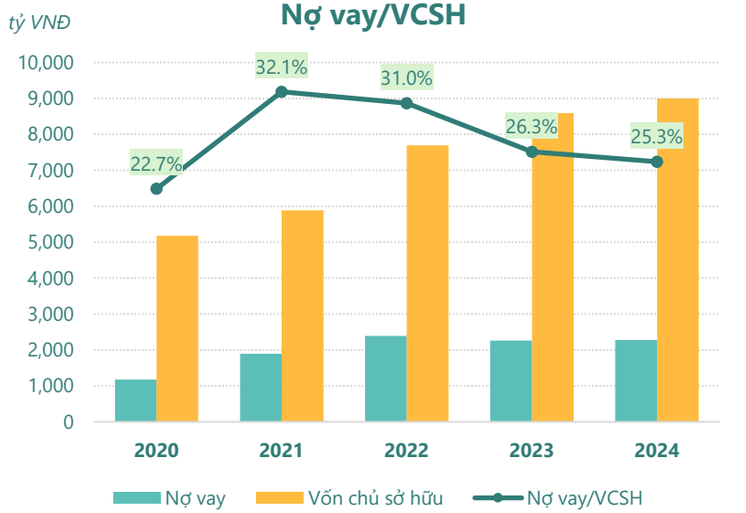
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



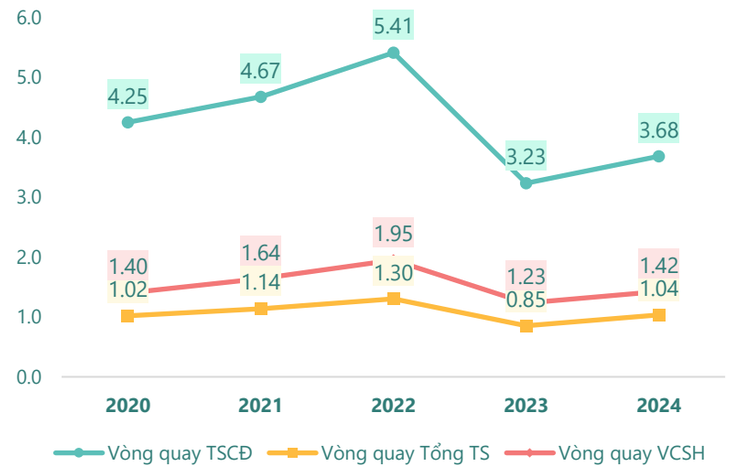
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



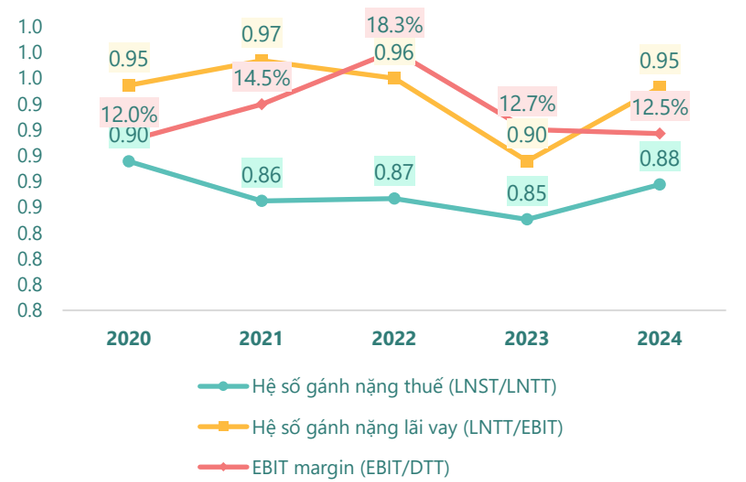
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



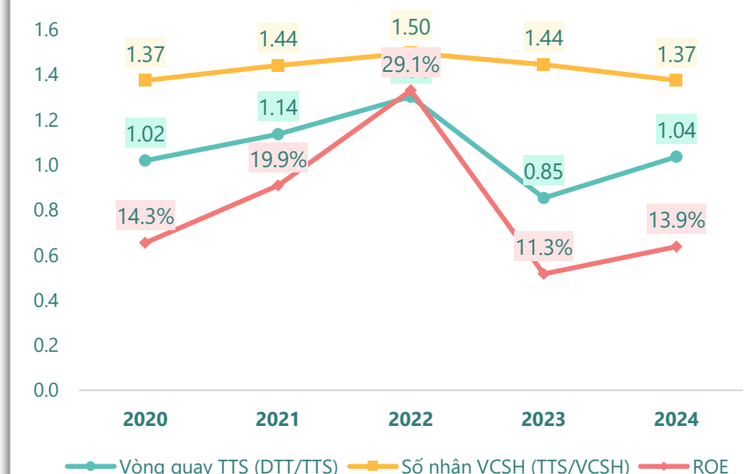
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



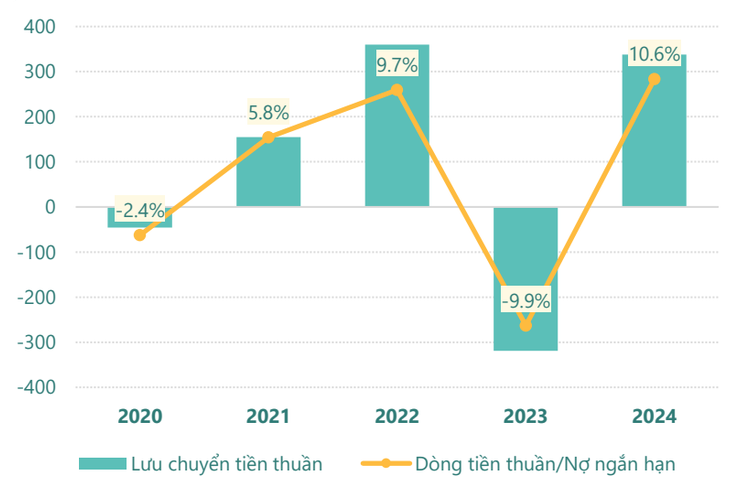
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,471**	**3,278**	**5.9%**	**9,311**	**9,329**	**-0.2%**
Giá vốn hàng bán	2,887	2,699	7.0%	7,757	8,016	-3.2%
Lợi nhuận gộp	584	579	0.8%	1,554	1,314	18.3%
Doanh thu HĐTC	116	56.3	106%	318	280	13.6%
Chi phí TC	22.0	80.9	-72.8%	83.6	172	-51.3%
Chi phí lãi vay	10.9	20.6	-46.9%	42.3	56.3	-24.9%
LN trong công ty LKLD	**1.55**	**0.70**	**121%**	**3.66**	**1.68**	**117%**
Chi phí bán hàng	70.6	89.8	-21.4%	186	229	-18.8%
Chi phí QLDN	**75.7**	**71.1**	**6.5%**	**228**	**208**	**9.3%**
LN thuần từ HĐKD	533	394	35.3%	1,379	987	39.8%
Lợi nhuận khác	**1.47**	**7.78**	**-81.1%**	**19.6**	**29.0**	**-32.2%**
LN trước thuế	535	402	33.0%	1,399	1,016	37.7%
Lợi nhuận sau thuế	**455**	**341**	**33.6%**	**1,206**	**870**	**38.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**433**	**321**	**34.9%**	**1,141**	**808**	**41.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,153	482	729	241	485	1,255
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-248	175	-358	10.2	240	-841
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-852	-199	-414	209	-616	119
Tiền đầu kỳ	100	159	612	570	1,031	1,148
Lưu chuyển tiền thuần	**52.5**	**457**	**-42.9**	**460**	**110**	**533**
Ảnh hưởng tỷ giá	5.77	-3.95	1.11	0.66	6.57	-2.34
Tiền cuối kỳ	159	612	570	1,031	1,148	1,678

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**13,502**	**12,234**	**10.4%**
Tài sản ngắn hạn	9,495	8,238	15.3%
Tiền và tương đương tiền	1,678	570	194%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,700	2,340	15.4%
Phải thu ngắn hạn	2,213	2,201	0.6%
Hàng tồn kho	2,728	2,915	-6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	175	213	-17.5%
Tài sản dài hạn	**4,007**	**3,996**	**0.3%**
Phải thu dài hạn	2.55	1.55	64.5%
Tài sản cố định	3,239	3,415	-5.2%
Bất động sản đầu tư	239	0	
Tài sản dở dang	92.8	109	-15.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	73.1	69.5	5.3%
Tài sản dài hạn khác	**196**	**210**	**-6.5%**
Lợi thế thương mại	164	190	-13.8%
Nợ phải trả	3,336	3,241	3.0%
Nợ ngắn hạn	**3,294**	**3,184**	**3.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,989	2,277	-12.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	357	278	28.6%
Nợ dài hạn	42.7	56.9	-24.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,166**	**8,994**	**13.0%**
Vốn chủ sở hữu	**10,166**	**8,994**	**13.0%**
Vốn điều lệ	2,245	2,245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)